TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 20/8/2024
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Đức Hòa và ông Phạm Thành Đô
- Thư ký phiên tòa: bà Huỳnh Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 125/2024/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXX - ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Hoàng Thị Hồng N, sinh năm: 1992
Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn*: anh Nguyễn Đình G, sinh năm 1975
Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2024 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 31, quyển số 01 năm 2010, ngày 16/8/2010. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nay chị thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài hôn nhân

thêm được nữa. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình G.

Về con chung: Chị và anh G có 02 người con chung, họ tên là Nguyễn Đình N sinh ngày 09/3/2012 và Nguyễn Đình Tiến Đ sinh ngày 08/9/2019.

Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 người con chung Nguyễn Đình N và Nguyễn Đình Tiến Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đình G: Vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết vụ án.

Tại phiên toà nguyên đơn chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị Hồng N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đình G có địa chỉ tại thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Chị N và anh G chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn anh G đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Hồng N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đình G, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị N và anh G tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31, quyển số 01 năm 2010, ngày 16/8/2010 theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã, dẫn đến hôn nhân không đạt được mục đích. Như vậy, chị N và anh G đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau, cụ thể: không còn sự thương yêu, chung sống hoà hợp với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh G lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, nay chị N yêu cầu ly hôn với anh G, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh G có 02 người con chung, họ tên là Nguyễn Đình N sinh ngày 09/3/2012 và Nguyễn Đình Tiến Đ sinh ngày 08/9/2019. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 người con chung Nguyễn Đình N và Nguyễn Đình Tiến Đ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định *"...nếu con từ đủ 07 tuổi*

trở lên phải xem xét nguyện vọng của con"; căn cứ theo biên bản lời khai của cháu Nguyễn Đình N thì cháu Nhật cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là chị N; đối với cháu Đạt hiện nay còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Đình N và Nguyễn Đình Tiến Đ cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Hồng N. Chị Hoàng Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Đình G.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31, quyển số 01/2010, ngày 16/8/2010 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước không còn hiệu lực khi Bản án hôn nhân gia đình về việc ly hôn của anh chị có hiệu lực pháp luật.

2.Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Đình N sinh ngày 09/3/2012 và Nguyễn Đình Tiến Đ sinh ngày 08/9/2019 cho chị Hoàng Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4.Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009282, ngày 03/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà